



TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HỒ CHÍ MINH
KHOA GIÁO DỤC TIỂU HỌC



LÝ LUẬN

DẠY HỌC MÔN ĐẠO ĐỨC Ở TIỂU HỌC

LÊ THỊ THANH CHUNG

LƯU HÀNH NỘI BỘ - 2002

LỜI GIỚI THIỆU

Trong hệ thống giáo dục quốc dân, giáo dục tiểu học ngày càng chứng tỏ có vị trí, vai trò quan trọng: “Giáo dục tiểu học là bậc học bắt buộc đối với mọi trẻ em”, “Giáo dục tiểu học nhằm giúp học sinh hình thành những cơ sở ban đầu cho sự phát triển đúng đắn và lâu dài về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và các kỹ năng cơ bản để học sinh tiếp tục học trung học cơ sở” (Điều 22, 23 Luật giáo dục). Với những yêu cầu bức thiết đó, khoa Giáo dục Tiểu học trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh luôn cố gắng hoàn thành tốt trách nhiệm đào tạo giáo viên tiểu học cho các tỉnh, thành phía Nam. Để góp phần ngày càng nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên và thực hiện tốt chương trình tiểu học mới, Ban chủ nhiệm khoa cùng các thầy cô giáo khoa Giáo dục Tiểu học luôn quan tâm đến việc đổi mới phương pháp dạy học để phát huy tính tích cực, sáng tạo của học sinh.

Nhằm thực hiện được yêu cầu trên và giúp sinh viên khoa Giáo dục Tiểu học tiếp cận chương trình tiểu học mới với các môn học nói chung và môn Đạo đức nói riêng, chúng tôi đã biên soạn cuốn giáo trình “ Lý luận dạy học môn Đạo đức ở tiểu học”. Cuốn giáo trình này giúp sinh viên có một cách nhìn khái quát toàn bộ chương trình môn Phương pháp dạy học đạo đức ở tiểu học, là một trong những môn học của khoa Giáo dục Tiểu học trường ĐHSPTP. Hồ Chí Minh. Giáo trình gồm 2 phần:

- **Phần I:** Đại cương về Đạo đức học, bao gồm các chương I, II và chương III. Đây là phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đạo đức học, có liên quan trực tiếp đến nội dung phần phương pháp dạy học môn đạo đức ở tiểu học.

- **Phần II:** Một số vấn đề về dạy học môn Đạo đức ở tiểu học, bao gồm các chương I, II và chương III. Phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức về mục tiêu, nội dung, chương trình, sách giáo khoa và phương pháp dạy học môn Đạo đức theo yêu cầu của chương trình tiểu học mới.

Ngoài ra giáo trình còn có phần: “**Tài liệu tham khảo**”, gồm những văn bản quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo về chương trình Giáo dục tiểu học mới và những tài liệu khác mà sinh viên có thể tìm đọc thêm.

Sau cùng tác giả xin bày tỏ lời cảm ơn chân thành đến Ban chủ nhiệm hai khoa Tâm lý-Giáo dục và Giáo dục Tiểu học, các bạn đồng nghiệp đã giúp đỡ động viên thường xuyên để tác giả hoàn thành giáo trình. Đặc biệt tác giả xin cảm ơn PGS-TS. Trần Tuấn Lộ và TS Trần Dục Quang đã góp những ý kiến quý báu để giáo trình có chất lượng cao hơn.

Vì thời gian có hạn, giáo trình không tránh khỏi những thiếu sót, tác giả rất mong nhận được sự góp ý của các đồng nghiệp và các bạn sinh viên.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 - 4 - 2002.

Tác giả

PHẦN I

ĐẠI CƯƠNG VỀ ĐẠO ĐỨC HỌC

Chương I

ĐẠO ĐỨC HỌC LÀ MỘT KHOA HỌC

I. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ ĐẠO ĐỨC.

1. Khái niệm đạo đức.

Cùng với sự xuất hiện con người trên trái đất là sự xuất hiện các hiện tượng đạo đức. Từ những buổi bình minh của lịch sử, con người đã biết ứng xử với nhau theo những phong tục, tập quán và quy định chung của các bộ tộc để cùng nhau chung sống và lao động sản xuất. Những ứng xử của họ được xem là biểu hiện về hành vi đạo đức. Khi xã hội phát triển thì những yêu cầu về các phong tục, tập quán cũng như những quy định nói chung của xã hội cũng thay đổi theo. Trong cuộc sống hàng ngày, con người cần có hiểu biết về các quy định hành vi ứng xử và có nhu cầu thể hiện hành vi đạo đức ra bên ngoài trong các mối quan hệ xã hội. Dù họ là ai và đang tham gia hoạt động gì thì cũng rất cần đến đạo đức để khẳng định được giá trị của chính mình trong xã hội. Làm được điều này, con người không những đạt được lợi ích, hạnh phúc của cá nhân mà còn góp phần vào sự tiến bộ chung của xã hội. Khi đó, cá nhân được tập thể, cộng đồng coi là người có đạo đức. Ngược lại, nếu cá nhân có biểu hiện hành vi ứng xử trái với lợi ích của xã hội và cộng đồng thì bị coi là người thiếu đạo đức.

Có thể hiểu đạo đức một cách khái quát như sau:

“Đạo đức là một hình thái ý thức xã hội, là tổng hợp những nguyên tắc, quy tắc chuẩn mực xã hội, nhờ đó con người tự giác điều chỉnh hành vi của mình sao cho phù hợp với lợi ích, hạnh phúc của con người và sự tiến bộ xã hội trong quan hệ giữa con người với con người, giữa cá nhân và xã hội”.

Dưới các góc độ khoa học khác nhau có thể phân tích khái niệm đạo đức như sau:

- Dưới góc độ triết học, đạo đức là một hình thái ý thức xã hội, một bộ phận của kiến trúc thượng tầng. Đạo đức thực hiện chức năng điều chỉnh hành vi của con người trong mọi lĩnh vực của cuộc sống. Là một hình thái ý thức xã hội phản ánh tồn tại xã hội, đạo đức xuất hiện rất sớm và khi tồn tại xã hội thay đổi thì ý thức xã hội cũng thay đổi theo. Sự nảy sinh và hoàn thiện của đạo đức có nguồn gốc trong hoạt động vật chất của con người, trong đó lao động sản xuất đóng vai trò quyết định.

- Dưới góc độ tâm lý học, đạo đức là tổng hợp những nguyên tắc, quy tắc, chuẩn mực xã hội, nhờ đó con người tự giác điều chỉnh hành vi của mình sao cho phù hợp với lợi ích, hạnh phúc của con người và sự tiến bộ xã hội trong quan hệ giữa con người với con người, giữa cá nhân và xã hội. Như vậy ở góc độ tâm lý học, đạo đức của một người phản ánh nhân cách của người đó, đạo đức là bộ mặt đích thực của mỗi người.

2. Bản chất của đạo đức.

2.1. Tính nhân bản của đạo đức:

Bản chất của đạo đức là sự quan tâm tự giác, tự nguyện của con người đến lợi ích, hạnh phúc của nhau và của xã hội. Hành động của con người là hành động có đạo đức, bởi lẽ hành động đó chứa đựng các yếu tố về mục đích, nội dung, phương pháp và các hình thức để thực hiện. Các yếu tố này là điều kiện cơ bản để phân biệt hành động con người với hành động con vật và cũng là dấu hiệu để khẳng định bản chất đạo đức đối với hành động của con người. Chính điều này làm cho đạo đức mang *tính người*.

Đạo đức lưu truyền được qua các thời kỳ phát triển của lịch sử, nhờ có tính nhân bản, đạo đức suy cho cùng cũng vì cuộc sống của con người, vì sự tồn tại của cộng đồng người và sự phát triển của họ. Đạo đức có ý nghĩa hợp lý phục vụ cho con người và vì nó con người lưu giữ như máu thịt của mình.

2.2. Tính lịch sử của đạo đức:

Đạo đức gắn liền với lịch sử. Đạo đức được hình thành từ quá khứ và được lưu truyền từ thế hệ này qua thế hệ khác. Là một hình thái ý thức xã hội, đạo đức phát triển rất sớm trong lịch sử phát triển nhân loại và được mọi xã hội, mọi thời đại quan tâm. Sự phát triển đạo đức của xã hội dựa trên cơ sở phát triển của sức sản xuất vật chất và thông qua sự đấu tranh, gạt bỏ, kế thừa, nhờ thế mà nội dung đạo đức ngày càng phong phú và hoàn thiện hơn.

2.3 Tính giai cấp của đạo đức:

Khi xã hội phân chia thành giai cấp thì đạo đức phản ánh quyền lợi của giai cấp thống trị và giải quyết mọi mối quan hệ giữa con người với con người, giữa cá nhân và xã hội theo quan điểm của giai cấp thống trị.

Vào thời kỳ đầu của xã hội loài người, dưới chế độ công xã nguyên thủy, cơ sở của quan hệ xã hội là chế độ công hữu tư liệu sản xuất. Mọi người trong xã hội đều làm chung và hưởng chung những sản phẩm mà họ làm ra. Họ cùng nhau săn bắn, hái lượm và chống kẻ thù, bảo vệ quyền lợi và cuộc sống chung cho cả thị tộc. Kỷ luật và quy tắc lao động bấy giờ được duy trì bằng sức mạnh của phong tục tập quán, bằng uy tín và sự tôn kính đối với người tộc trưởng. Phong tục, tập quán và truyền thống biểu thị mối quan hệ giữa các thành viên với nhau và với cả thị tộc. Đó cũng là những điều mà họ phải tuân thủ thường xuyên trong sinh hoạt xã hội. Chính vì những lý do đó mà những nhà nghiên cứu đã chứng minh rằng đạo đức con người trong chế độ công xã nguyên thủy là thẳng thắn, trung thực, kiên cường, dũng cảm theo đúng nghĩa vụ của con người đối với con người và đối với toàn bộ thị tộc lúc bấy giờ.

Chế độ chiếm hữu nô lệ, thời kỳ đầu xã hội loài người phân chia thành giai cấp và đạo đức của con người bắt đầu có tính giai cấp. Giai cấp bóc lột trong thời kỳ này là giai cấp chủ nô, chúng không những có quyền mua bán mà còn có quyền sinh, quyền sát đối với người nô lệ, biến họ thành những công cụ kỳ quặc của mình. Cùng với sự xuất hiện giai cấp, phụ nữ cũng mất quyền bình đẳng trước kia và trở thành nô lệ của người chồng. Thời kỳ này pháp luật và đạo đức của chủ nô cho phép tha hồ hành hạ, giết chết người nô lệ, biến họ thành những hàng hóa mua đi bán lại của chúng.

Chế độ phong kiến dựa trên nền tảng sở hữu ruộng đất lớn, là một giai đoạn cao hơn trong sự phát triển sản xuất. Thời kỳ này bọn chúa phong kiến vẫn có quyền bán nông nô, nhưng không có quyền giết họ. Đạo đức thống trị trong xã hội phong kiến lúc này cũng biểu hiện lợi ích kinh tế và danh vọng của bọn chúa phong kiến, đó là bắt nông dân phải trung với địa chủ, tôi phải trung với vua, chư hầu phải trung với thiên tử.

Chế độ tư bản là một bước tiến bộ mới trên đường phát triển của xã hội thay thế chế độ phong kiến. Giai cấp tư sản đã tạo ra giai cấp công nhân làm thuê và chúng đã hành hạ, giết hại công nhân một cách khinh bỉ (chúng không hề coi đó là hành vi trái với đạo đức). Trong xã hội này, đạo đức tư sản là đạo đức thống trị của xã hội. Nói theo Mác và Ăng – ghen, giai cấp tư sản đã “làm cho giữa người với người không có mối liên hệ nào khác ngoài quan hệ lợi hại trắng trợn và sự giao dịch tiền bạc lạnh lẽo, biến con người thành giá trị đối chác”.

Chế độ xã hội chủ nghĩa, giai cấp công nhân là giai cấp tiên tiến gánh vác sứ mệnh lịch sử lãnh đạo xã hội, tiến lên giải phóng con người, giải phóng xã hội. Đạo đức của họ là đạo đức cộng sản, giai đoạn cao nhất trên con đường tiến lên của đạo đức con người và trong tương lai nó sẽ trở thành đạo đức của loài người. So với nền đạo đức trước đây, đạo đức cộng sản là một thứ chất mới. Con đường phát triển và đi tới thắng lợi của đạo đức cộng sản phải thông qua đấu tranh chống lại những thế lực và truyền thống của xã hội bóc lột cũ, xây dựng một xã hội mới.

3. Chức năng của đạo đức.

3.1 Chức năng định hướng giáo dục:

Chức năng định hướng giáo dục của đạo đức nhằm hình thành cho con người có nhận thức đúng đắn về nguyên tắc, quy tắc và chuẩn mực xã hội để từ đó họ có tình cảm và nhu cầu thể hiện hành vi đạo đức phù hợp với các nguyên tắc, quy tắc, chuẩn mực đó. Nhận thức đúng đắn này giúp con người có khả năng lựa chọn, kiểm tra, đánh giá đúng các hiện tượng đạo đức xã hội cũng như tự kiểm tra, tự đánh giá về nhận thức, tình cảm, hành vi đạo đức của chính mình. Các nhà giáo dục nói chung và người thầy giáo trong nhà trường nói riêng cần giúp học sinh hiểu đúng các chuẩn mực xã hội. Từ đó học sinh sẽ dễ dàng có niềm tin và hành vi đúng trong các mối quan hệ với thầy cô, bạn bè ở trường, ông bà, cha mẹ ở gia đình và mọi người trong xã hội. Chính vì thế công tác giáo dục đạo đức có vai trò quan trọng trong việc phát triển nhân cách học sinh. Khẩu hiệu trong các trường học: “Tiên học lễ, hậu học văn” đã thể hiện được vai trò quan trọng đó.

3.2 Chức năng điều chỉnh hành vi:

Con người trong các mối quan hệ xã hội luôn thể hiện hành vi của bản thân. Vì vậy cần có một hệ thống quy tắc, chuẩn mực nhằm kết hợp bằng cách này hay cách khác giữa lợi ích cá nhân với lợi ích tập thể, xã hội để hành vi con người phù hợp với sự tiến bộ xã hội. Do đó chức năng điều chỉnh hành vi của đạo đức luôn gắn bó mật thiết với chức năng quản lý xã hội. Mặt khác khi tham gia vào các mối quan hệ xã hội, mỗi cá nhân có khả năng lựa chọn và trải nghiệm hành vi đạo đức ở các mức độ khác nhau. Việc giải quyết mọi mối quan hệ không chỉ dừng ở trong suy nghĩ mà còn phải bằng hành động: làm hay không nên làm, làm bằng cách này hay cách khác. Đặc biệt là các quan hệ có liên quan đến lợi ích giữa cá nhân với cá nhân, giữa cá nhân với xã hội, nếu như các mối quan hệ đó không dựa vào hệ thống quy tắc, chuẩn mực xã hội thì cá nhân không thể lựa chọn, trải nghiệm hành vi đạo đức cho phù hợp. Như vậy trong đời sống xã hội, chức năng giáo dục và điều chỉnh của đạo đức gắn liền với nhau.

3.3 Chức năng kiểm tra, đánh giá:

Căn cứ vào quy tắc, chuẩn mực xã hội, chủ thể đạo đức có thể xem xét, đối chiếu hành vi của chính mình hoặc của người khác để khẳng định giá trị đạo đức của bản thân hoặc của

người khác trong các mối quan hệ xã hội. Điều này còn phụ thuộc vào khả năng tự giáo dục của chủ thể đạo đức.

Trong trường học, chức năng kiểm tra, đánh giá của đạo đức giúp từng học sinh rèn luyện đạo đức theo yêu cầu của nhà trường đồng thời cũng là căn cứ để nhà giáo dục xếp loại đạo đức cho học sinh theo những thang bậc đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định. Vì thế người thầy giáo cần hướng dẫn, theo dõi và động viên hoặc nhắc nhở học sinh thường xuyên thực hiện tốt nội quy, quy định của trường học.

II- ĐẠO ĐỨC HỌC LÀ MỘT KHOA HỌC.

1. Đạo đức học là khoa học nghiên cứu về đạo đức.

Thời thượng cổ đạo đức là hiện tượng xã hội xuất hiện cùng với sự xuất hiện con người và chưa tách thành một khoa học độc lập. Tuy vậy khi đề cập tới những vấn đề đạo đức các nhà triết học phương Tây như Xôcrát, Platôn, Aristotô hoặc ở phương Đông như Khổng Tử, Mạnh Tử... đã đề cập đến các nội dung rất cơ bản về đạo đức: khái niệm cái thiện, cái ác, nghĩa vụ, lương tâm... Khi với tư cách là một khoa học độc lập thì đạo đức học nghiên cứu về những quy tắc, chuẩn mực, hành vi cách ứng xử tự giác trong mối quan hệ giữa con người với con người, con người với tự nhiên, với xã hội và với chính bản thân mình nhằm làm rõ tính người của đạo đức. Hay hiểu cách khác đạo đức học là khoa học nghiên cứu về đạo đức.

Trở thành một khoa học độc lập, đạo đức học xây dựng một hệ thống tri thức về phạm trù, khái niệm, đối tượng và phương pháp nghiên cứu góp phần vào việc giáo dục nhân cách và cải tạo xã hội ngày càng tốt đẹp hơn.

Đối tượng của đạo đức học là đạo đức, là tính tất yếu của sự hình thành và phát triển đạo đức, là những quy luật phải giữ để cho cái đúng, cái công bằng, cái thiện. Lịch sử đạo đức học mang tính đa dạng, phức tạp trong các trào lưu đối địch nhau (duy tâm, duy vật...) phản ánh một cách đặc sắc trong những công trình nghiên cứu đạo đức xã hội.

2. Chức năng và nhiệm vụ chủ yếu của đạo đức học là nhận thức các hình thái lịch sử của đạo đức, nghiên cứu những quy luật hình thành và phát triển của đạo đức về lý luận cũng như thực tiễn, nghiên cứu nguyên nhân tồn tại và biến đổi của ý thức đạo đức và hành vi đạo đức, thực chất của các nguyên tắc đạo đức, chuẩn mực đạo đức ...

Nhiệm vụ chủ yếu của đạo đức học là tìm ra con đường để khắc phục sự bất lực của con người trước những cám dỗ, vươn lên làm chủ bản năng, điều khiển được những nhu cầu, những ham muốn trong cuộc sống để đạt tới sự phát triển lành mạnh và hạnh phúc chân chính của con người, đạt đến nền văn minh đạo đức của nhân loại.

3. Các phương pháp nghiên cứu của đạo đức học.

Cùng với các khoa học khác, đạo đức học góp phần tìm ra quy luật giúp con người cải tạo xã hội và cải tạo chính bản thân mình. Vì thế đạo đức học phải lấy nền tảng của chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử Mác- Xít làm cơ sở phương pháp luận.

Do có mối quan hệ mật thiết với các khoa học khác như tâm lý học, giáo dục học, xã hội học, dân tộc học, mỹ học, luật học... cho nên đạo đức học có thể lựa chọn và vận dụng tổng hợp các phương pháp nghiên cứu của nhiều ngành khoa học để nghiên cứu hình thái đạo đức. Song với tư cách là một khoa học độc lập, đạo đức học có những phương pháp nghiên cứu sau:

a) Nhóm phương pháp nghiên cứu lý luận: người nghiên cứu về đạo đức phải sưu tầm, đọc, phân tích tài liệu của các khoa học có liên quan để tổng hợp lên những nét chung và đặc thù về đạo đức của xã hội hoặc cá nhân.

b) Nhóm phương pháp nghiên cứu thực tiễn: người nghiên cứu về đạo đức phải tiếp cận với đối tượng, thực tế đang thường xuyên vận động và biến đổi không ngừng để phát hiện ra bản chất, tính đặc thù, tính quy luật trong quá trình phát sinh và phát triển của đạo đức, kiểm nghiệm giá trị đạo đức trong các điều kiện lịch sử- xã hội khác nhau.

HƯỚNG DẪN HỌC TẬP

1. Phân tích khái niệm đạo đức, chức năng của đạo đức. Cho ví dụ minh họa.
2. Phân tích bản chất của đạo đức. Cho ví dụ minh họa.
3. Đối tượng, nhiệm vụ chủ yếu và phương pháp nghiên cứu của đạo đức học? Cho ví dụ minh họa và nêu kết luận sơ phạm.